

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bình và ông Lê Vũ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Thị Như N, Mai Thị Quỳnh T, Võ Thị Khánh T1 do có kháng cáo của bị hại là anh Nguyễn Đại T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 163/2024/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*** Các Bị cáo bị kháng cáo:**

1. **Trần Thị Như N**, sinh ngày 20/02/1983, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Kinh doanh; hiện cư trú tại: Số A đường S, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T3 (đã chết) và bà Phan Thị Xuân Đ, sinh năm 1951; có chồng là Nguyễn Quốc T4, sinh năm 1969 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

* Về nhân thân: Ngày 10/4/2018, bị Công an thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt vi phạm hành chính số tiền 950.000 đồng về hành vi “Gây mất trật tự khu dân cư và ném đá vào nhà người khác”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/11/2023 cho đến nay. Có mặt.

2. **Võ Thị Khánh T1 (tức Bé G)**, sinh ngày 03/9/1988, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Kinh doanh; hiện cư trú tại: Số F đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh X, sinh năm 1954 và bà Trần Thị L, sinh năm 1958; chồng chưa có; có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/11/2023 cho đến nay. Có mặt.

3. Mai Thị Quỳnh T (tức Mai N), sinh ngày 21/3/1978, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Kinh doanh; hiện cư trú tại: Số A đường H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Tiến S, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1953; có chồng là Trương Thanh T5, sinh năm 1979 và có 01 con sinh năm 1999.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/11/2023 cho đến nay. Có mặt.

** Bị hại có kháng cáo:* Anh Nguyễn Đại T2, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số E đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Cư trú tại: số A đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Hiện đang bị tạm giam để điều tra trong vụ án khác, được trích xuất. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 9 năm 2022, Trần Thị Như N và anh Nguyễn Đại T2 có quan hệ tình cảm với nhau và cùng góp vốn làm ăn kinh doanh. Sau một thời gian thì cả hai chấm dứt quan hệ tình cảm nên N yêu cầu anh T2 trả lại số tiền hơn 01 tỷ đồng góp vốn nhưng anh T2 không trả nên N đã sử dụng điện thoại di động thông qua ứng dụng Zalo, M,... để đăng những nội dung mang tính xúc phạm đến cá nhân anh T2 nhằm gây sức ép buộc anh T2 trả nợ.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 29/01/2023, N sau khi uống cà phê với Võ Thị Khánh T1, Mai Thị Quỳnh T xong thì rủ T1 và T đi đến nhà của bà Hồ Thị T6 ở tại số E đường N, phường T, thành phố H để tìm anh T2 đòi nợ, thì T1 và T đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe ô tô chở T1 và T đến nhà bà T6. Tại đây, nhóm của N tình cờ gặp Hồ Tấn L1 và Nguyễn Ngọc T7, vì là người quen nên L1 và T7 cùng đi vào trong khuôn viên nhà bà T6 với mục đích giúp N đòi nợ anh T2.

Khi đi vào đến sân nhà, thì N và T gọi tên anh T2 ra trả nợ nhưng không có ai trong nhà bà T6 trả lời nên N mở cửa đi vào nhà tiếp tục gọi tên anh T2 và la hét nhưng vẫn không thấy ai trả lời. L1 và T7 đứng ngoài sân không tham gia chửi bới, xúc phạm đối với anh T2. Lúc này, do bức xúc nên N đã nảy sinh N định dùng điện thoại di động quay Video - clip phát trực tiếp lên mạng xã hội Facebook nhằm để xúc phạm nhân phẩm, danh dự đối với anh T2. Do tài khoản Facebook cá nhân của N bị lỗi nên N đã nhờ T1 sử dụng điện thoại di động của

T1 để quay và phát L2 trực tiếp lên mạng xã hội Facebook trên hai tài khoản cá nhân của Võ Thị Khánh T1 là “TK” và tài khoản “Trần Thị Như N” để N và T đồng thời cùng nhau dùng lời lẽ chửi bới thô tục, mạt sát, xúc phạm nhân phẩm, danh dự đối với anh Nguyễn Đại T2; cùng thời điểm này N sử dụng hình ảnh thẻ căn cước công dân của anh T2 có sẵn trong máy điện thoại của N để T1 quay, phát trực tiếp đồng thời lên trên mạng xã hội, với thời lượng đoạn Video - clip là 05 phút 39 giây để cho nhiều người xem, L3 và bình luận, cụ thể:

N và T chửi anh T2 “...mẹ cái loại không có não, sống không có lương tâm thì không để ba mẹ sống như ri rồi, Công ty trách nhiệm hữu hạn..., hần là chuyên gia và chuyên gia lừa đảo...”. N nói tiếp “...Đại họa...”. T tiếp tục nói “...Đại nổ, đại lừa, đại trù, ĐT ơi...”. T1 nói “mọi người chia sẻ cho mọi người biết...”. N tiếp tục nói “...Chuyên gia cặp người khác...”; T nói tiếp “...Mi đi cặp mấy đứa già mà trả tiền cho họ, kiếm tiền ăn chơi, đồ đĩ mỗ, không có não...”. Đồng thời, N cầm thùng nhôm dùng để đốt giấy vàng mã gõ vào thùng la hét, hô hào cổ vũ. Sau đó, T1 lấy tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đi vào cầm để trên bàn thờ gia tiên thắp hương rồi đi ra. L1 và T7 không tham gia chửi bới, xúc phạm đối với anh T2.

Cùng thời điểm trên, chị Nguyễn Thị Kiều D là em gái của anh Nguyễn Đại T2 tình cờ vào mạng xã hội Facebook xem được cảnh quay đang phát trực tiếp từ tài khoản Facebook “TK” về việc Trần Thị Như N và các đồng phạm đang chửi bới, xúc phạm nhân phẩm, danh dự đối với anh T2 tại nhà ở của gia đình mình. Sau đó, chị D đã gọi điện báo cho anh T2 biết.

Đến ngày 30/01/2023, anh T2 viết đơn tố cáo Trần Thị Như N và những người liên quan đi cùng với N về hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự đến cá nhân anh T2; xâm phạm gia cư bất hợp pháp và bị mất tài sản là 05 chỉ vàng.

** Vật chứng vụ án tạm giữ gồm:*

- 01 đĩa CD chứa file dữ liệu điện tử đoạn Video - clip có nội dung liên đến hành vi của các bị cáo xảy ra tại số nhà E đường N, phường T, thành phố H vào ngày 29/01/2023 (do bị cáo Võ Thị Khánh T1 nộp).

- 02 USB đều chứa file dữ liệu điện tử đoạn Video - clip có nội dung là đến hành vi của các bị cáo xảy ra tại số nhà E đường N phường T, thành phố H vào ngày 29/01/2023 (do anh Nguyễn Đại T2 giao nộp).

- 35 tờ giấy A4 thể hiện nội dung hình ảnh, tin nhắn của Trần Thị Như N với anh Nguyễn Đại T2 được trích xuất (sao chụp) từ điện thoại di động của anh Nguyễn Đại T2 (do anh Nguyễn Đại T2 giao nộp).

- 03 tờ giấy A4 thể hiện hình ảnh, nội dung liên quan đến hành vi của các bị cáo xảy ra tại số nhà E đường N, phường T, thành phố H được trích xuất (sao chụp) từ đoạn Video - clip mà Võ Thị Khánh T8 đã quay vào ngày 29/01/2023 (do bị cáo Trần Thị Như N giao nộp).

Các vật chứng đã được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 của Võ Thị Khánh T1 và Trần Thị Như N dùng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra các bị cáo

khai báo do bị hư hỏng và đã bán nên không thu hồi lại được.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại là anh Nguyễn Đại T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Ngoài ra, ngày 26/03/2023 chị Nguyễn Thị Tuyết M1 (sinh năm: 1970; cư trú tại: A L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - bạn gái anh Nguyễn Đại T2) cũng có đơn tố cáo Trần Thị Như N sử dụng điện thoại di động đăng tải nhiều nội dung, hình ảnh lên trên mạng xã hội Facebook có nội xúc phạm nhân phẩm, danh dự đối với chị M1. Tuy nhiên, ngày 11/3/2024 Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã có Thông báo số 508/TB-CQĐT về việc trả lời đơn với nội dung chưa có căn cứ để xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 163/2024/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên bố các bị cáo Trần Thị Như N, Võ Thị Khánh T1 và Mai Thị Quỳnh T phạm tội “Làm nhục người khác”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; điểm i, s khoản 1, khoản 2 (chỉ áp dụng đối với Võ Thị Khánh T1) Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Trần Thị Như N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Mai Thị Quỳnh T 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Võ Thị Khánh T1 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo, các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 24/5/2024, bị hại là anh Nguyễn Đại T2 có đơn kháng cáo với các nội dung sau:

- Yêu cầu xem xét hành vi và vai trò có tổ chức sắp đặt tính toán trước của các bị cáo;

- Yêu cầu bác tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo;

- Yêu cầu khởi tố các bị cáo thêm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo Điều 158 Bộ luật hình sự và tội “Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” theo Điều 331 Bộ luật hình sự;

- Yêu cầu Cơ quan điều tra Công an thành phố H làm rõ sự việc mất 05 chỉ vàng để có cơ sở khởi tố tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm: Bản án hình sự sơ thẩm số 163/2024/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xét xử đối với các bị cáo Trần Thị Như N, Võ Thị Khánh T1 và Mai Thị Quỳnh T phạm tội

“Làm nhục người khác” theo điểm e khoản 2 Điều 155 là có căn cứ pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như vai trò của các bị cáo. Xét các nội dung kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Đại T2 là không có căn cứ pháp luật, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: không chấp nhận kháng cáo của Bị hại anh Nguyễn Đại T2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 163/2024/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các bị cáo Trần Thị Như N, Võ Thị Khánh T1 và Mai Thị Quỳnh T thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hoàn cảnh của các bị cáo, bị cáo T1 đề nghị xem xét cho bị cáo đang mắc bệnh phải chạy thận định kỳ tại bệnh viện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo Trần Thị Như N và bị hại anh Nguyễn Đại T2 có quan hệ tình cảm và cùng nhau góp vốn kinh doanh. Sau một thời gian thì chấm dứt quan hệ tình cảm và N yêu cầu anh T2 trả lại số tiền hơn 01 tỷ đồng góp vốn nhưng anh T2 không trả. Vì vậy, khoảng 17 giờ 00 phút ngày 29/01/2023, N đã rủ Võ Thị Khánh T1 và Mai Thị Quỳnh T đi đến nhà bà Hồ Thị T6 (là mẹ của Nguyễn Đại T2) tại số E đường N, phường T, thành phố H tìm anh T2 để đòi nợ. Tại đây, N đã nhờ T1 sử dụng điện thoại di động của T1 để quay và phát L2 trực tiếp lên mạng xã hội Facebook có tài khoản “TK” và tài khoản “Trần Thị Như N” để N và T cùng nhau dùng lời lẽ chửi bới thô tục, mạt sát, xúc phạm đối với anh Nguyễn Đại T2; cùng thời điểm này Trần Thị Như N sử dụng hình ảnh thẻ căn cước công dân của anh T2 có sẵn trong điện thoại của mình để T1 quay, phát trực tiếp đồng thời lên mạng xã hội, với thời lượng đoạn Video - clip là 05 phút 39 giây để cho nhiều người xem, like và bình luận gây ảnh hưởng đến uy tín cá nhân, cuộc sống, công việc làm ăn bình thường của anh Nguyễn Đại T2.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án các bị cáo Trần Thị Như N, Võ Thị Khánh T1 và Mai Thị Quỳnh T về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị hại là anh Nguyễn Đại T2, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[2.1] Mặc dù các bị cáo có sự rủ rờ, tụ tập nhau cùng đến nhà mẹ đẻ của anh T2 để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, đây là vụ án đồng phạm có tính

chất giản đơn, các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, không có sự bần bạc và chuẩn bị trước, chỉ nhất thời cùng nhau phạm tội, nguyên nhân chủ yếu cũng do bức xúc từ việc bị hại Nguyễn Đại T2 thiếu thiện chí thanh toán nợ số tiền hơn 01 tỷ đồng cho bị cáo Trần Thị Như N.

[2.2] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Các bị cáo Võ Thị Khánh T1 và Mai Thị Quỳnh T có nhân thân tốt; bị cáo Trần Thị Như N vào năm 2018 từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây mất trật tự khu dân cư và ném đá vào nhà người khác”. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo thì: “*Đối với người đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính...*” thì được coi là có nhân thân tốt.

Tất cả các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, nhận ra lỗi lầm của mình, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Võ Thị Khánh T1 có bố là ông Võ Thanh X được tặng thưởng “Huy chương kháng chiến hạng Nhất” và “Huy chương chiến sĩ về vàng” nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phạm vào tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, đúng mức và đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với các yêu cầu đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét khởi tố các bị cáo về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo Điều 158 của Bộ luật Hình sự và tội “Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” theo Điều 331 của Bộ luật Hình sự; yêu cầu Cơ quan điều tra Công an thành phố H làm rõ sự việc mất 05 chỉ vàng để có cơ sở khởi tố tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy đây là những yêu cầu không thuộc thẩm quyền, phạm vi xem xét của Tòa án mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Do đó, nếu có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho các yêu cầu của mình là có căn cứ thì bị hại anh Nguyễn Đại T2 có quyền đề nghị Cơ quan điều tra Công an có thẩm quyền xem xét.

[3] Từ những phân tích trên và xét thấy tại cấp phúc thẩm, bị hại không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới làm cơ sở xem xét cho các yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Đại T2, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị

của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại anh Nguyễn Đại T2 không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bị hại anh Nguyễn Đại T2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 163/2024/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với Võ Thị Khánh T1); Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Như N, Võ Thị Khánh T1 (tên gọi khác: Bé G) và Mai Thị Quỳnh T (tên gọi khác: Mai N) phạm tội “Làm nhục người khác”.

- Xử phạt Trần Thị Như N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Như N cho UBND phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt Mai Thị Quỳnh T 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mai Thị Quỳnh T cho UBND phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt Võ Thị Khánh T1 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Thị Khánh T1 cho UBND phường T, thành phố H, tỉnh

Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị hại anh Nguyễn Đại T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Nhà tạm giữ CA thành phố H;
- Phòng PV06 CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- CQĐT CA thành phố H;
- CQTHAHS CA thành phố H;
- THADS thành phố H;
- UBND phường: PB, VD, TL;
- Các Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Tòa Hình sự; Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú